TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v tranh chấp:
"*Hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Sắc.
2. Ông Trương Quang Trung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An*** *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 5, ngày 12 và 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mộng T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp K, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

- Ông Thái Văn H, sinh năm: 1983.
- Bà Hoàng Thị Kim N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Tuấn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm L, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.
- Ông Diệp Thanh T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Ông Đào Minh T2, sinh năm: 1994; Địa chỉ: A, T, P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
- Ông Thái Thanh N1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- Ông Thái Văn M, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt riêng ông D, ông T1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Mộng T trình bày:

Vào năm 2018, ông Thái Văn H, bà Hoàng Thị Kim N có mua thức ăn thủy hải sản của hộ kinh doanh H2, Hoàng Quyên 1 nhiều lần để nuôi cá tra, có trả tiền mặt và thiếu nợ tiền thức ăn cho cá, sổ sách theo dõi công nợ thì ông H còn nợ lại 33.600.000 đồng. Nay yêu cầu ông Thái Văn H, bà Hoàng Thị Kim N trả nợ là 33.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Thái Văn H phải trả cho bà số tiền 33.600.000 đồng, không yêu cầu bà Hoàng Thị Kim N phải liên đới trả, không yêu cầu ai khác phải liên đới trả.

Bị đơn Thái Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận có mua thức ăn cho cá tra ở hộ kinh doanh H2, Hoàng Q 1 từ năm 2019 đến năm 2022 thì trả hết nợ, trả tại cửa hàng H3 ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An đến nay không còn nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu trả nợ thì ông không đồng ý trả.

Bà Hoàng Thị Kim N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Diệp Thanh T1 cho rằng ông chỉ đứng tên trong giấy phép kinh doanh là đứng hộ cho bà Đỗ Thị Mộng T, không có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi cá với khách hàng, đồng thời nợ là do ông D và nhân viên khác thu và theo dõi nợ. Nay ông đồng ý để bà T đòi tiền các cá nhân còn thiếu nợ.

Ông Huỳnh Tuấn D cho rằng ông có tham gia thu nợ của Hoàng Q 1 do ông H1 (chồng của bà T) cho ông thu nợ và khởi kiện. Đối với sổ theo dõi ông C, ông N1, ông H ông không biết lý do sổ sách số tiền 33.600.000 đồng người khác theo dõi, khi ông khởi kiện và rút đơn yêu cầu theo số tiền 42.900.000 đồng cụ thể mua hàng ngày 20/8, 60 bao x 355.000 đồng = 21.300.000 đồng; ngày 28/8 giao 200 bao x 360.000 đồng = 72.000.000 đồng ông H trả được 140 bao x 355.000 đồng = 49.700.000 đồng trả tiền mặt (giảm 5.000đ/ bao), còn nợ lại 60 bao x 360.000 đồng = 21.600.000 đồng, tổng cộng còn nợ lại 42.900.000 đồng đến ngày 21/4/2022 trả hết số tiền 42.900.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của bà T: Bà T yêu cầu ông H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 33.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì căn cứ vào sổ mua bán thức ăn ngày 02/8/2019 ông H còn nợ tiền mua bán thức ăn của

bà T số tiền 33.600.000 đồng, ông H ký tên và ông H thừa nhận là chữ ký của ông H. Ông H cho rằng ông đã trả số tiền nợ trên cho ông D nhưng ông H không có căn cứ chứng minh và ông D không biết về sổ nợ mua bán này, ông không theo dõi đối với sổ nợ mua của ông H. Do đó, ông H còn nợ bà T số tiền là 33.600.000 đồng. Ông H vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà T nên ông H phải có trách nhiệm trả tiền cho bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông H phải trả cho bà số tiền gốc là 33.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn H trả tiền mua thức ăn cho cá, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị Kim N, ông Huỳnh Tuấn D, ông Diệp Thanh T1.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Đỗ Thị Mộng T yêu cầu ông Thái Văn H (không yêu cầu bà Hoàng Thị Kim N) trả tiền còn nợ thức ăn chăn nuôi cá số tiền 33.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Bà Đỗ Thị Mộng T cung cấp cho Tòa án 02 tờ giấy tập học simh viết bút mực xanh và đỏ ghi không theo trình tự ngày tháng mua thức ăn (ngày trước thì ghi trước, ngày sau thì ghi sau) mà ghi ngược lại cụ thể theo bút lục số 31 có hai tờ giấy ghi anh N1, C, H.

Tờ giấy thứ nhất (bút lục 31) có ghi:

"ngày 04/8/2019 nợ: 35 (1,5): 80 x 420 = 33.600.000
xuống hàng ghi mực đỏ TC nợ 33.600.000
Gửi TM thức ăn (28) (2) : 140 b x 355 = 49.700.000đ
Anh H 49.600.000
H còn nợ lại 33.600.000
Anh H nợ lại 100k(TM)
04/08/ 2019 (28) (2) : 4 x355= 1.420.000
TM TC: Nợ: 35.020.000
02/08/19 A N2 mua thuốc nợ lại 160.000
Anh N2 trả tiền nhớt
Trả 100 + 160 + 1420 = 1680 000"

Tờ giấy ghi nhiều loại mực của viết chì, mực đỏ, mực xanh, tẩy xóa không rõ, không có ký nhận của người nợ tự hộ kinh doanh ghi.

Tờ thứ 2 (bút lục) có ghi "20/8 C28 (2) 60 x 355 = 21.300.000
28/8 thăng long 60 x 300 = 21.600.000
n: 42.900.000
Thái Văn anh H có gởi 49.900.000
Kí tên hiếu
Ngày 21/4/2022
A, H trả đủ còn 0đ.
Trên tờ giấy viết R bao trùm hết phần chữ viết.
(hai tờ bút lục 31 có kèm theo hồ sơ)

Vậy có kết luận số nợ ghi trên tờ không rõ, có ký nhận nợ và tờ thứ 02 có ghi trả rồi không còn nợ.

[3.2] Bà Đỗ Thị Mộng T yêu cầu ông Thái Văn H trả tiền còn nợ lại mua thức ăn cho cá với số tiền 33.600.000 đồng.

[3.3] Trong sổ theo dõi nợ thể hiện ông Thái Văn H nhận hàng thì ông có trách nhiệm với số lượng thức ăn cho cá mà ông nhận. Tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận có nợ 33.600.000 đồng nhưng đã thanh toán xong vào ngày 21/4/2022, nhưng ông H không có căn cứ chứng minh.

[3.4] theo trình bày ông Huỳnh Tuấn D cho rằng số tiền nợ của ông H 42.900.000 đồng số tiền này ông trực tiếp bán hàng và ông H trả nợ xong. Đối với sổ theo dõi ông H, ông C, ông N2 ông D không biết sổ này vì ông không có trực tiếp bán hàng.

[3.5] Bà T cho rằng ông Thái Văn M, ông Thái Thanh N1 có liên quan số tiền 33.600.000 đồng, nhưng hồ sơ khởi kiện bà T không yêu cầu ông N1, ông M phải liên đới trả số nợ 33.600.000 đồng, hơn nữa ông H không yêu cầu gì đến ông N1, ông M liên quan đến số tiền 33.600.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với ông N1, ông M.

[3.6] Đối với số nợ khách hàng mua hàng tại cửa hàng T4, huyện T do ông Diệp Thanh T1 đứng tên trong giấy phép kinh doanh bán cho ông H là của gia đình bà T nay ông T1 đồng ý cho bà T đứng ra khởi kiện là phù hợp.

[3.7] Đối với ý kiến của ông Huỳnh Tuấn D là người được ủy quyền từ chồng bà T là ông Võ Văn H1 ủy quyền cho ông Duy T3 hiên đòi nợ cho hộ kinh doanh Hoàng Q cho rằng khi đi thu nợ chỉ biết một sổ nợ có ghi trả hết nợ ngày 21/4/2022, còn sổ thứ nhất ông không biết vì ông không có bán hàng và thu nợ sổ nợ số tiền 33.600.000 đồng này.

Từ [3.1] – [3.7] nhận định của Hội đồng xét xử: Ông Thái Văn H còn nợ bà Đỗ Thị Mộng T số tiền 33.600.000 đồng. Nên yêu cầu của bà T được chấp nhận.

[3.8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.9] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Thái Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà T.

Bà Đỗ Thị Mộng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 385, 386, 357, 388, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mộng T đối với ông Thái Văn H về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Ông Thái Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Mộng T số tiền 33.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Thái Văn H phải chịu 1.680.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Mộng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà T 1.320.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002239 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Thành

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THADS;*
- *Các Đ/s;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*